TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hồng Tươi

2. Bà Vũ Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị A, sinh năm 1989; CCCD: 052189003006; thường trú: Tổ C, khu phố V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Thành S, sinh năm 1979; CCCD: 074079002636; thường trú: Tổ C, khu phố V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị A và ông Trương Thành S có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại địa bàn phường T cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, mọi việc trong gia đình đều do bà A quán xuyến, ông S không chăm lo cho vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà A không còn tình cảm và không còn muốn chung sống với ông S nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn. Hiện bà A làm nghề buôn bán thu nhập hàng tháng khoảng 40.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, cháu Trương Nhã Uyên P, sinh ngày 29/01/2013; cháu Trương Dương Bích V, sinh ngày 01/9/2016 và cháu Trương Minh P1, sinh ngày 23/4/2018. Các con chung đều do bà Ý chăm sóc và nuôi dưỡng vì ông S đi làm ở Vũng Tàu thường xuyên vắng nhà. Sau khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Nhã Uyên P. Bà Ý giao cháu Trương Dương Bích V và cháu Trương Minh P1 cho ông S nuôi dưỡng. Bà A không cấp dưỡng và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên toà bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của bà A về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông S xác định cuộc sống vợ chồng lúc mới cưới hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S và bà A bất đồng trong quan điểm sống, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, ông S thường xuyên đi làm về muộn nên không phụ giúp được bà A trong việc chăm sóc các con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay, hiện bà A đã dọn ra ngoài sống. Tuy nhiên ông S xác định vẫn còn tình cảm với bà A nên không đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà A, quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, cháu Trương Nhã Uyên P, sinh ngày 29/01/2013; cháu Trương Dương Bích V, sinh ngày 01/9/2016 và cháu Trương Minh P1, sinh ngày 23/4/2018. Ông S không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông S yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con vì ông S làm kỹ sư thu nhập hàng tháng 50.000.000 đồng và điều kiện về nhà ở và việc học của các con tốt hơn bà Ý.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà A và ông S có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, xét mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ ông S, về công việc của ông S phải thường xuyên đi sớm về khuya dẫn đến việc chăm sóc các con không đảm nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ý giao con chung cháu Trương Nhã Uyên P cho bà Ý nuôi dưỡng. Cháu Trương Dương Bích V và cháu Trương Minh P1 giao cho ông S nuôi dưỡng. Xét có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị A và ông Trương Thành S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2012, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 26/12/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do tính tính không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay. Hiện bà A đã dọn ra ngoài sinh sống. Bà A xác định không còn tình cảm và không muốn chung sống với ông S. Ông S xác định còn tình cảm với bà A nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn của vợ chồng ông S và bà A diễn ra trong thời gian dài nhưng cả hai vợ chồng không có giải pháp gì để hàn gắn, hoà giải mâu thuẫn, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét, để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Bà A và ông S biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà A đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà A yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà A và ông S đều có yêu cầu được nuôi con. Bản thân ông S và bà Ý cũng thừa nhận do tính chất công việc nên ông S thường xuyên phải đi sớm về muộn, không phụ giúp bà A trong việc chăm sóc các con, từ trước đến nay các con của bà Ý và ông S sống cùng với gia đình bên nội, các cháu hàng ngày được ông bà nội phụ giúp chăm sóc cùng với vợ chồng ông S và bà A. Từ khi bà A dọn ra ngoài thì sinh sống thì cháu P mới ra ở cùng với bà A. Hiện tại hai cháu nhỏ đang sống cùng ông S và ông bà nội. Tại bản tự khai cháu P xác định có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Xét cháu P là con gái, đang trong độ tuổi trưởng thành rất cần có sự gần gũi, quan tâm trực tiếp từ người mẹ để kịp thời chăm sóc, dậy dỗ cháu nên việc giao cháu P cho bà A nuôi dưỡng là

phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với cháu V và cháu P1 các đương sự đều thống nhất để cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, xét việc giao hai cháu cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng không làm ảnh hưởng đến môi trường sống bình thường của hai cháu, cũng đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu nên có căn cứ chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông S và bà A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Dương Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị A được ly hôn với ông Trương Thành S (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 26/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)).

2. Về con chung:

2.1 Ông Trương Thành S giao cháu Trương Nhã Uyên P, sinh ngày 29/01/2013 cho bà Dương Thị Ý trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Bà Dương Thị A giao cháu Trương Dương Bích V, sinh ngày 01/9/2016 và Trương Minh P1, sinh ngày 23/4/2018 cho ông Trương Thành S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Thành S và bà Dương Thị Ý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, bà Dương Thị A và ông Trương Thành S đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có

yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Ý phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0027923 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PTHADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết